Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8409.10.00

Mã HS	8409.10.00
Mô tả hàng hóa	Các bộ phận chỉ dùng hoặc chủ yếu dùng cho các loại động cơ thuộc nhóm 84.07 hoặc 84.08 / - Dùng cho động cơ phương tiện bay
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	05/11/2026 22:52:07
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84091000/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12943
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12943
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12943
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VN-EAEU	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E12222
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12165
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12165
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12165
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12165
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12165
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12165
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E12217
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F12217
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G12217

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H12217
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I12217
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J12217
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E12218
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F12218
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G12218
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H12218
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I12218
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J12218
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F12221
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H12171
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F12177
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G12177
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H12177
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I12177
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J12177
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K12177
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12210
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12210
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12210
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12210
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12210
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12210
VCFTA	2022	2022	0	VC!D12255
VCFTA	2023	2023	0	VC!E12255
VCFTA	2024	2024	0	VC!F12255

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G12255
VCFTA	2026	2026	0	VC!H12255
VCFTA	2027	2027	0	VC!I12255
VN-EAEU	2022	2022	*	EAV!D12240
VN-EAEU	2023	2023	*	EAV!E12240
VN-EAEU	2024	2024	*	EAV!F12240
VN-EAEU	2025	2025	*	EAV!G12240
VN-EAEU	2026	2026	*	EAV!H12240
VN-EAEU	2027	2027	*	EAV!I12240
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D12240
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E12240
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F12240
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G12240
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H12240
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I12240
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D12257
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E12257
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F12257
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G12257
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H12257
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12257
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D12256
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E12256
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F12256
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G12256
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H12256

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12256
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D12232
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E12232
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F12232
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G12232
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H12232
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I12232
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J12232
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D12240
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E12240
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F12240
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G12240
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H12240
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I12240
RCEP B	2022	2022	0	B!D12240
RCEP B	2023	2023	0	B!E12240
RCEP B	2024	2024	0	B!F12240
RCEP B	2025	2025	0	B!G12240
RCEP B	2026	2026	0	B!H12240
RCEP B	2027	2027	0	B!I12240
RCEP C	2022	2022	0	C!D12240
RCEP C	2023	2023	0	C!E12240
RCEP C	2024	2024	0	C!F12240
RCEP C	2025	2025	0	C!G12240
RCEP C	2026	2026	0	C!H12240
RCEP C	2027	2027	0	C!I12240

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D12239
RCEP D	2023	2023	0	D!E12239
RCEP D	2024	2024	0	D!F12239
RCEP D	2025	2025	0	D!G12239
RCEP D	2026	2026	0	D!H12239
RCEP D	2027	2027	0	D!I12239
RCEP E	2022	2022	0	E!D12243
RCEP E	2023	2023	0	E!E12243
RCEP E	2024	2024	0	E!F12243
RCEP E	2025	2025	0	E!G12243
RCEP E	2026	2026	0	E!H12243
RCEP E	2027	2027	0	E!I12243
RCEP F	2022	2022	0	F!D12240
RCEP F	2023	2023	0	F!E12240
RCEP F	2024	2024	0	F!F12240
RCEP F	2025	2025	0	F!G12240
RCEP F	2026	2026	0	F!H12240
RCEP F	2027	2027	0	F!I12240
VIFTA	2024	2024	0	VI!F11319
VIFTA	2025	2025	0	VI!G11319
VIFTA	2026	2026	0	VI!H11319
VIFTA	2027	2027	0	VI!I11319

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8409.10.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8409.10.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12943), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.